

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai;

Xét Văn bản số 09/MT-TN ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Hưng Thành Ngân về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất dăm gỗ, viên nén xuất khẩu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hưng Thành Ngân, địa chỉ tại lô CI-6, Khu công nghiệp Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất dăm gỗ, viên nén xuất khẩu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất dăm gỗ, viên nén xuất khẩu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại lô CI-6, Khu công nghiệp Long Mỹ, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100503847, đăng ký lần đầu ngày 12/6/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08/6/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài Chính tỉnh Gia Lai) cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8783582610 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai) cấp lần đầu ngày 12/6/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 28/3/2025.

1.4. Mã số thuế: 4100503847.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dăm gỗ, viên nén xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích đất: 28.733,10 m².

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

- Công suất:

+ Dăm gỗ: 180.000 BĐMT (tấn khô)/năm.

+ Viên nén: 60.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất dăm gỗ: Gỗ tròn → Tách vỏ (chỉ áp dụng đối với gỗ nguyên liệu có vỏ) → Máy gập gỗ → Guồng nạp gỗ → Băng lai vào gỗ → Băm dăm → Băng tải kín → Máy sàng → Băng tải kín → Bãi chứa dăm.

+ Quy trình sản xuất viên nén: Sản phẩm dăm lưu chứa tại bãi chứa dăm → Xe xúc đưa dăm vào máy nghiền thô → Sấy khô → Nghiền tinh → Ép viên → Làm nguội → Sàng tuyển phân loại → Kiểm tra, đóng bao → Nhập kho chờ tiêu thụ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hưng Thành Ngân:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hưng Thành Ngân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc đầu nối nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND phường Quy Nhơn Tây nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 31 tháng 7 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND phường Quy Nhơn Tây;
- Công ty TNHH Hưng Thành Ngân;
- Công ty CP ĐTXD Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- VP Ban (công khai trên website);
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-BQL ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường vì nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh tại dự án được thu gom xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Mỹ theo Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải đã ký giữa Chủ dự án với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà văn phòng, nhà vệ sinh công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm, sau đó cùng với các loại nước thải sinh hoạt khác được tự chảy theo đường ống uPVC D250 vào hố ga đôi chứng của dự án tại phía Tây Bắc mặt bằng và đầu nối vào hố ga thuộc hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Nước thải sản xuất (nước rỉ từ bãi chứa dăm gỗ, phát sinh vào những ngày mưa): được thu gom theo hệ thống mương dẫn bằng bê tông chống thấm (kích thước mương có bề rộng 0,4m - 0,8m và độ sâu 0,5m), tự chảy về hệ thống xử lý nước thải để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D250 vào hố ga đôi chứng của dự án tại phía Tây Bắc mặt bằng, sau đó đầu nối vào hố ga thuộc hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Vị trí hố ga đầu nối nước thải: X=1.506.295, Y=579.210 (Theo hệ tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $108^{\circ}15'$; vĩ chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà văn phòng, nhà vệ sinh công nhân → Bể tự hoại 03 ngăn (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Công suất thiết kế:

- + 01 Bể tự hoại khu vực nhà văn phòng có dung tích 06 m³;
- + 01 Bể tự hoại nhà vệ sinh công nhân có dung tích 04 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý: Nước rỉ từ bãi chứa dăm gỗ → Bể thu gom → Bể lắng 01 → Bể than hoạt tính → Bể lắng 02 → Bể lọc cát → Bể chứa nước sau xử lý → Hồ ga đối chứng của dự án → Hồ ga thuộc hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Công suất thiết kế: 48 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, cát.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến nước thải theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm:

- Công trình thu gom, xử lý sơ bộ và đầu nối nước thải phải được xây dựng theo đúng nội dung Đồ án Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, duy tu, bảo dưỡng các công trình thu gom, xử lý nước thải, không để xảy ra tình trạng xuống cấp, hư hỏng dẫn đến nguy cơ để nước thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

- Định kỳ nạo vét, hút bùn cặn tại bể tự hoại; thay thế vật liệu lọc (cát, than) tại công trình xử lý nước thải sản xuất; nạo vét hệ thống mương dẫn nước thải để đảm bảo dung tích lưu chứa, hiệu quả thu gom, xử lý nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp thì Chủ dự án phải thực hiện ngay công tác kiểm tra, rà soát để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục, thông báo về Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định và Ban Quản lý Khu kinh tế để phối hợp hỗ trợ, giải quyết kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý sơ bộ nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thu gom, xử lý sơ bộ, đầu nối toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình hoạt động dự án vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp, không xả thải ra môi trường; đảm bảo nước thải trước khi đầu nối đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, bao gồm cả việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Phụ lục 02

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

((Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-BQL ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai))

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (bụi) phát sinh từ công đoạn nghiền thô.
- Nguồn số 02: Khí thải (bụi) phát sinh từ công đoạn nghiền tinh.
- Nguồn số 03: Khí thải (bụi) phát sinh từ công đoạn sàng phân loại viên nén.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy.
- Nguồn số 05: Khí thải (bụi) phát sinh từ công đoạn hút ẩm đầu ép viên.
- Nguồn số 06: Khí thải (bụi) phát sinh từ công đoạn hút ẩm băng tải.
- Nguồn số 07: Khí thải (bụi) phát sinh từ công đoạn làm nguội.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Tại đầu ra ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi máy nghiền thô; tọa độ: X= 1.517.033; Y=594.357.
- Dòng số 02: Tại đầu ra ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh; tọa độ: X= 1.517.007; Y=594.395.
- Dòng số 03: Tại đầu ra ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn sàng; tọa độ: X= 1.517.011; Y=594.386.
- Dòng số 04: Tại đầu ra ống thoát khí tại nhà xử lý bụi ướt (thu gom từ công đoạn hút ẩm đầu ép viên nén, hút ẩm băng tải, làm nguội và sấy); tọa độ: X= 1.517.013; Y=594.390.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3^0).

* Vị trí xả bụi, khí thải nằm trong mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất dăm gỗ, viên nén xuất khẩu của Công ty TNHH Hưng Thành Ngân tại lô CI-6, Khu công nghiệp Long Mỹ.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $169.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 01: lưu lượng $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng số 02: lưu lượng $25.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng số 03: lưu lượng $22.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng số 04: lưu lượng $102.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục theo thời gian hoạt động sản xuất của dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (áp dụng hệ số $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$) cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng số 01 đến dòng số 03				Không
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	06 tháng/lần	
02	Lưu lượng	m ³ /giờ	(*)		
II	Dòng số 4				
01	Lưu lượng	m ³ /h	(*)	06 tháng/lần	
02	Bụi tổng	mg/Nm ³	160		
03	SO ₂	mg/Nm ³	400		
04	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		
05	CO	mg/Nm ³	800		

Ghi chú:

- (*): Giá trị giới hạn cho phép đối với lưu lượng xả khí thải của từng dòng thải là giá trị lưu lượng xả lớn nhất của từng dòng thải quy định tại mục 2.2 phần A phụ lục này.

- Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ máy nghiền thô được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép có đường kính D400mm về hệ thống xử lý thông qua quạt công suất 55kW.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ máy nghiền tinh được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép có đường kính D400mm về hệ thống xử lý thông qua quạt công suất 110kW.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ máy sàng sàng phân loại viên nén được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép có đường kính D250mm - 300mm về hệ thống xử lý thông qua quạt hút công suất 37kW.

- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống lò sấy được thu gom

theo tuyến ống kín bằng thép có đường kính D1000mm - 1500mm về hệ thống xử lý thông qua quạt công suất 315kW.

- Nguồn số 5: Bụi phát sinh từ hệ thống hút ẩm đầu máy ép viên (03 máy ép viên) được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép có đường kính D300mm - 400mm về hệ thống xử lý thông qua quạt công suất 22kW.

- Nguồn số 6: Bụi phát sinh từ hệ thống hút ẩm băng tải được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép có đường kính D300mm - 400mm về hệ thống xử lý thông qua quạt công suất 11kW.

- Nguồn số 7: Bụi phát sinh từ công đoạn làm nguội được thu gom theo tuyến ống kín bằng thép có đường kính D550mm - 650mm về hệ thống xử lý thông qua quạt công suất 45kW.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ máy nghiền thô → Cyclone lọc bụi sơ cấp → Cyclone lọc bụi thứ cấp → Quạt hút → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ nguồn số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ máy nghiền tinh → Cyclone lọc bụi → Cyclone lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Sử dụng túi vải lọc bụi Bagfilter.

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ nguồn số 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ mỗi máy sàng → Cyclone lọc bụi → Cyclone lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 22.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Sử dụng túi vải lọc bụi Bagfilter.

1.2.4. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ nguồn số 04:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ lò sấy → Cyclone lọc bụi sơ cấp → Cyclone lọc bụi thứ cấp → Nhà xử lý bụi ướt trung tâm → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 55.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, Ca(OH)₂ (hoặc các chất khác tương đương, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.5. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ nguồn số 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn ép viên → Cyclone lọc bụi sơ cấp → Cyclone lọc bụi thứ cấp → Nhà xử lý bụi khô trung

tâm → Nhà xử lý bụi ướt trung tâm → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, Ca(OH)₂ (hoặc các chất khác tương đương, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.6. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ nguồn số 06:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn hút ẩm băng tải → Cyclone lọc bụi sơ cấp → Cyclone lọc bụi thứ cấp → Nhà xử lý bụi khô trung tâm → Nhà xử lý bụi ướt trung tâm → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, Ca(OH)₂ (hoặc các chất khác tương đương, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.7. Công trình, thiết bị xử lý bụi từ nguồn số 07:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn làm nguội → Cyclone lọc bụi sơ cấp → Cyclone lọc bụi thứ cấp → Nhà xử lý bụi khô trung tâm → Nhà xử lý bụi ướt trung tâm → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 22.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, Ca(OH)₂ (hoặc các chất khác tương đương, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

* Kết cấu Nhà xử lý bụi khô trung tâm và nhà xử lý bụi ướt trung tâm:

- Nhà xử lý bụi khô trung tâm được xây dựng bằng BTCT (kích thước 7,5m x 2,5m x 6,05m).

- Nhà xử lý bụi ướt trung tâm: được thiết kế xây dựng 02 tầng:

+ Tầng trệt bằng BTCT (kích thước 21,5m x 2,5m x 6,05m), được bố trí hệ thống ống dẫn và béc tưới phun nước sạch để xử lý khí thải theo quy trình: Nước sạch lưu chứa tại bể chứa ngầm dung tích 05m³ (bể được xây dựng tại vị trí dọc theo tuyến giao thông nội bộ bên ngoài nhà xử lý bụi, có kết cấu bê chống thấm, bên trên có nắp đan đầy kín để ngăn nước mưa chảy tràn vào) → Hệ thống bơm (công suất 1HP) → béc tưới phun sương → Nước sau xử lý khí thải được thu gom tại bể chứa tập trung (có kích thước 21,5m x 1,4m x 1,2m).

+ Tầng lửng bằng BTCT (kích thước 17mx2,5mx2,4m) được bố trí hệ thống ống dẫn và béc tưới phun sương dung dịch Ca(OH)₂ để xử lý khí thải theo quy trình: Dung dịch Ca(OH)₂ lưu chứa tại bể chứa ngầm dung tích 05m³ (bể được xây dựng tại vị trí dọc theo tuyến giao thông nội bộ bên ngoài nhà xử lý bụi, có kết cấu bê chống thấm, bên trên có nắp đan đầy kín để ngăn nước mưa chảy tràn vào) → Hệ thống bơm (công suất 1HP) → béc tưới phun sương → Ống thu dung dịch Ca(OH)₂ sau xử lý khí thải → Bể chứa chứa tập trung nêu trên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải (bụi) để bị hư hỏng và định kỳ thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn khí thải (bụi) đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra liên quan đến các hoạt động phát sinh khí thải, Chủ dự án phải tạm dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, xác định nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn và hệ thống thu gom, xử lý khí thải hoạt động đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì mới được hoạt động trở lại các công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững các quy trình vận hành của hệ thống xử lý khí thải và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Tất cả các hệ thống xử lý bụi, khí thải của dây chuyền sản xuất viên nén đã nêu trên.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát của các hệ thống xử lý bụi, khí thải của dây chuyền sản xuất viên nén.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi cơ sở. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; Đảm bảo các ống thoát của các hệ thống xử lý bụi, khí thải phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sẵn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Hệ thống băng tải từ công đoạn băm dăm ra bãi chứa phải được thiết kế có khung bao che kín và không chế chiều cao đồng dăm $\leq 10\text{m}$.

3.5. Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.6. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải (bụi).

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 03**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-BQL ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn 01: Khu vực đặt các máy băm gỗ.
- Nguồn 02: Khu vực sản xuất viên nén.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
01	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
01	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-BQL ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	05	16 01 06	NH
02	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	10	17 02 03	NH
03	Bộ lọc dầu (trong máy nén khí, thiết bị sản xuất khác).	20	15 01 02	NH
04	Pin, ắc quy chì thải	05	19 06 01	NH
Tổng		40		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát (thực hiện phân định, phân loại theo quy định):

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
01	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	20	18 02 01	KS
02	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	150	18 01 02	KS
03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	40	18 01 03	KS
Tổng		210		

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)	Ký hiệu phân loại
01	Tro thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp cho lò hơi	0,5	TT
02	Giấy vụn, bao bì carton, bao bì nhựa, dây buộc,...	1,5	TT
03	Hỗn hợp gồm bùn cặn, nước, dung dịch Ca(OH)_2 trong bể chứa tập trung tại nhà xử lý bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải	0,12	TT

TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)	Ký hiệu phân loại
04	Cặn bùn phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất	10,44	TT
05	Than hoạt tính thải phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất	0,25	TT
06	Cát thải phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất.	0,45	TT
	Tổng cộng	13,26	

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: Khoảng 20,52 tấn/năm.

- Chung loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại dự án.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, có dung tích đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: Xây dựng 01 kho chứa CTNH có diện tích 09m² tại vị trí phía Bắc mặt bằng và kho chứa hóa chất có diện tích 04m² gần hệ thống nhà xử lý bụi ướt.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chứa để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa),... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Tro thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp cho lò hơi được thu gom, lưu chứa trong các bao bì bịt kín miệng, đặt trên các palet bố trí địa điểm có diện tích 05m² bên trong nhà lò hơi. Khu vực nhà nồi hơi có thiết kế xây dựng nền bê

tông, không bị rạn nứt, thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa;....

- Cặn bùn của hệ thống xử lý nước thải sản xuất được lưu chứa tại 02 bể lắng của hệ thống xử lý nước thải (bể lắng 1 có kích thước: 5,0m x 7,0m x 2,0m và bể lắng 2 có kích thước 3,5m x 4,0m x 2,0m). Bể được xây dựng bằng bê tông chống thấm, không bị rạn nứt, thấm thấu và có nắp đậy kín.

- Hỗn hợp gồm bùn cặn, nước, dung dịch Ca(OH)_2 trong bể chứa tập trung tại nhà xử lý bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải được lưu chứa ngay tại bể lắng (kích thước 21,5m x 1,4m x 1,2m) tại khu vực nhà xử lý bụi ướt. Bể được xây dựng bằng bê tông chống thấm, không bị rạn nứt, thấm thấu.

- Than hoạt tính thải phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất được lưu giữ tại bể lọc than hoạt tính của hệ thống xử lý nước thải sản xuất và được thu gom, vận chuyển đi xử lý khi thay thế than mới, không bố trí khu vực lưu chứa.

- Cát thải phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất được lưu giữ tại bể lắng cát của hệ thống xử lý nước thải sản xuất và được thu gom, vận chuyển đi xử lý khi thay thế than mới, không bố trí khu vực lưu chứa.

- Các chất thải rắn công nghiệp thông thường còn lại được thu gom, lưu chứa tại vị trí có diện tích 09m² bên trong nhà phụ trợ sản xuất viên nén. Khu vực nhà phụ trợ này có thiết kế xây dựng nền bê tông, không bị rạn nứt, thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; tường bao xung quanh không để bụi phát tán ra môi trường xung quanh;....

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực xưởng sản xuất, nhà làm việc,... để phân loại, đảm bảo lưu chứa toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

- Không bố trí kho lưu chứa riêng, các thành phần chất thải có khả năng tái chế được thu gom, lưu chứa chung tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường nêu trên.

* Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố rò rỉ hóa chất, PCCC và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải

chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải và định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định hiện hành.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-BQL ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

1. Công khai Giấy phép môi trường của dự án trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Quy Nhơn Tây trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
3. Trồng cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt.
4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.
5. Các loại CTNH phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như CTNH. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã CTNH có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ CTNH theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.
6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động nhập, lưu chứa và sử dụng xăng, dầu tại kho dầu của dự án.
9. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Chủ dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại dự án.

10. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

11. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.